

Bản án số: 61/2022/DS-PT
Ngày 23 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hui.

Do Bản án sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1958 và ông D, sinh năm 1956; Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn bà A và ông D: Bà G – Luật sư Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* Ông B, sinh năm 1971 và bà E, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà C, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn bà A và ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/12/2020 và các lời khai tại Tòa án, đồng nguyên đơn ông D, bà A thống nhất trình bày:

Bà E, ông B tham gia 02 dây hui do ông D, bà A làm chủ hui, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Mở hụi ngày 10/3/2014 âm lịch, loại hụi 4 tháng khui 01 lần, mệnh giá 5.000.000 đồng có 16 thành viên, tham gia 17 phần hụi (có danh sách hụi kèm theo). Ông B, bà E tham gia 01 phần hụi (danh sách hụi ghi tên E số thứ tự số 6); bà E góp hụi được 08 lần được số tiền 18.900.000 đồng, đến kỳ mở hụi thứ 09 (ngày 10/11/2016 âm lịch) bà E để số tiền 2.550.000 đồng, lĩnh được số tiền hụi là 59.600.000 đồng; giao số tiền hụi trên vào ngày 01/12/2016 (có biên nhận kèm theo); bà E góp lại tiền hụi chết 07 lần được 35.000.000 đồng. Dây hụi trên đã mãn ngày 10/7/2019, hiện bà E, ông B còn nợ ông D, bà A số tiền 10.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Mở ngày 10/3/2017 âm lịch, loại hụi 4 tháng khui 01 lần, mệnh giá 10.000.000 đồng có 14 thành viên, tham gia 16 phần hụi (có danh sách hụi kèm theo). Ông B, bà E tham gia 01 phần hụi (danh sách hụi ghi tên E số thứ tự số 11); bà E góp hụi được 04 lần được số tiền 22.000.000 đồng, đến kỳ mở hụi thứ 05 (ngày 10/7/2018 âm lịch) bà E để số tiền 4.500.000 đồng, lĩnh được số tiền hụi là 100.500.000 đồng; giao số tiền hụi trên vào ngày 13/8/2018 (có biên nhận kèm theo); bà E góp lại tiền hụi chết 01 lần được 10.000.000 đồng. Dây hụi trên chưa mãn nhưng đã đình hụi ngày 10/11/2018 âm lịch, hiện bà E, ông B còn nợ ông D, bà A số tiền 90.500.000 đồng.

Nay ông D, bà A yêu cầu ông B, bà E thanh toán số tiền nợ hụi của 02 dây hụi nêu trên bằng 100.500.000 đồng và yêu cầu ông B, bà E thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Dây hụi ngày 10/3/2014 âm lịch, tính lãi từ ngày 10/3/2019 âm lịch đến ngày 10/11/2020 âm lịch là 20 tháng x 0,83%/tháng x 10.000.000 đồng = 1.660.000 đồng.

Dây hụi ngày 10/3/2017 âm lịch, tính lãi từ ngày 10/11/2018 âm lịch đến ngày 10/11/2020 âm lịch là 24 tháng x 0,83%/tháng x 90.500.000 đồng = 18.027.600 đồng.

Tổng cộng tiền gốc, lãi là: 120.187.600 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông D, bà A không tiếp tục yêu cầu ông B, bà E thanh toán tiền lãi của số tiền nợ gốc nêu trên từ ngày 11/11/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Đồng bị đơn bà E trình bày: Bà E thừa nhận có tham gia 02 dây hụi như ông D, bà A trình bày.

- Dây hụi 5.000.000 đồng ngày 10/3/2014 âm lịch đã mãn hụi vào tháng 7 năm 2019 âm lịch, bà E đã góp xong tiền hụi cho bà A, ông D nên không có nợ ông D, bà A số tiền 10.000.000 đồng như ông D, bà A yêu cầu khởi kiện.

- Dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/3/2017 âm lịch, bà E thừa nhận đã lĩnh tiền hụi của ông D, bà A, đã trả tiền hụi chết cho ông D, bà A được số tiền 60.000.000 đồng (trả qua bà C theo yêu cầu của bà A, ông D, có xác nhận của bà C) nên bà E chỉ còn nợ ông D, bà A số tiền hụi chết là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà E còn 01 dây hụi sống mệnh giá 3.000.000 đồng, loại hụi mùa (04 tháng khui hụi một lần), bà E đã góp cho ông D, bà A được 05 lần bằng số tiền 15.000.000 đồng, dây hụi trên đã đình hụi nên bà E đề nghị đối trừ số tiền 15.000.000 đồng trên vào số tiền mà bà E còn nợ ông D, bà A, còn lại số tiền 15.000.000 đồng bà E đồng ý tiếp tục thanh toán cho ông D, bà A.

Đồng bị đơn ông B vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày: Do bà E nợ tiền hụi chết của ông D, bà A và ông D, bà A nợ tiền hụi của bà C 61.000.000 đồng nên bà C đến nhà của ông D, bà A để đòi nợ thì bà A và anh Khương (con bà A) bà C cho đối trừ qua số tiền của bà E nợ của ông D, bà A là 60.000.000 đồng thì bà C đồng ý nhận tiền của bà E và bà E cũng đồng ý việc đối trừ nợ trên. Nay bà C đã nhận đủ tiền của bà E, ông B trả thay cho ông D, bà A nên bà C không yêu cầu ông D, bà A thanh toán số tiền nợ là 61.000.000 đồng và bà C cũng đồng ý giao trả lại số tiền 60.000.000 đồng mà bà E đã thanh toán cho bà C. Ngoài ra, bà C xác định số tiền 61.000.000 đồng mà ông D, bà A nợ của bà C là tiền của các dây hụi 500.000 đồng, 1.000.000 đồng mà bà C đã tham gia hụi của ông D, bà A vào các năm 2015, 2016 không có liên quan đến số tiền 63.360.000 đồng mà bà C đã khởi kiện ông D, bà A theo Bản án số 09/2020/DS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D, bà A với bà E, ông B về việc đối trừ số tiền hụi bà E, ông B thực đóng là 7.740.000 đồng và tiền lãi là 1.963.663 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 9.703.663 đồng vào số tiền nợ của ông B, bà E nợ ông D, bà A. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A đối với số tiền 9.703.663 đồng nêu trên. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A đối với ông B, bà E liên quan đến số tiền 9.703.663 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A đối với ông B, bà E về việc tranh chấp hụi. Buộc ông B, bà E cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông D, bà A số tiền 32.124.337 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 30.796.337 đồng và tiền lãi là 1.328.000 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A đối với ông B, bà E về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ hụi và tiền lãi là 78.359.600 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án theo Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 31 tháng 12 năm 2021, đồng nguyên đơn ông D và bà A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà E và ông B trả thêm số tiền hụi thiếu là 60.000.000 đồng so với án sơ thẩm, không đồng ý đối trừ tiền nợ bà C; Ngoài ra, ông D và bà A không yêu cầu kháng cáo nào khác.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn ông D, bà A là bà G trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà A, ông D, sửa một phần án sơ thẩm của Tòa án huyện O không đối trừ số tiền 60.000.000 đồng vào số tiền nợ 90.500.000 đồng của dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/3/2017 âm lịch.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu theo hướng không đối trừ số tiền 60.000.000 đồng vào số tiền nợ hui, buộc bà E và ông B trả cho bà A, ông D tiền nợ hui 90.500.000 đồng của dây hui 10.000.000 đồng ngày 10/3/2017 âm lịch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông D và bà A khởi kiện bà E và ông B yêu cầu trả tiền nợ hui nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B, bà E có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền.

[1.2] Ngày 20/12/2021, Tòa án nhân dân huyện O xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 31/12/2021 đồng nguyên đơn ông D và bà A kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của ông D, bà A nộp trong thời hạn quy định, ông D, bà A thuộc trường hợp được miễn án phí do là người cao tuổi. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Đủ cơ sở xác định thực tế giữa ông D và bà A với bà E và ông B có giao dịch hui với nhau, bà E thừa nhận có tham gia 02 dây hui ngày 10/3/2014 âm lịch và ngày 10/3/2017 âm lịch, loại hui mùa (04 tháng khui hui 01 lần) do ông D, bà A làm chủ hui. Đây là tình tiết, sự kiện được bà E thống nhất thừa nhận nên ông D, bà A không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 10/3/2014 âm lịch, bà E cho rằng bà đã thanh toán xong nhưng bà E không có tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, ông D, buộc bà E, ông B cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông D, bà A số tiền nợ của dây hui mở ngày 10/3/2014 âm lịch là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày 10/7/2019 âm lịch đến ngày 10/11/2020 âm lịch như yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A là 1.328.000 đồng, tổng cộng tiền gốc, lãi là 11.328.000 đồng là đã xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Đối với dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 âm lịch, bà E và bà A, ông D đều thống nhất bà E đã lĩnh tiền hót hui của ông D, bà A với số tiền là 100.500.000 đồng, bà E đã trực tiếp thanh toán lại cho ông D, bà A 01 lần hui chết bằng 10.000.000 đồng. Đây cũng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, số tiền nợ hui của dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 âm lịch là 90.500.000 đồng.

[5] Xét kháng cáo của ông D, bà A yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông D, bà A thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà E và ông B trả thêm số tiền hui thiếu là 60.000.000 đồng so với án sơ thẩm, buộc bà E, ông B phải trả cho ông bà số tiền nợ hui của dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 âm lịch là 90.500.000 đồng, không đồng ý đối trừ số tiền 60.000.000 đồng nợ bà C; Ngoài ra, ông D và bà A không yêu cầu kháng cáo nào khác. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông D, bà A không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn.

[6] Xét kháng cáo của đồng nguyên đơn: Bà E cho rằng đã thanh toán thay cho ông D, bà A số tiền tổng cộng 60.000.00 đồng mà ông D, bà A nợ của bà C, bà E cung cấp chứng cứ “Giấy tiền hui” (BL 90), nội dung thể hiện bà C xác định bà A và con có đồng ý kêu bà lấy 06 kỳ tiền hui là 60.000.000 đồng của bà E, bà C còn thừa nhận bà E đưa tiền cho bà C bắt đầu là ngày 10-07-2019 (DL), 04 tháng trả 1 kỳ, mỗi kỳ 10.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ sự thừa nhận của bà C và căn cứ vào ý kiến của ông D thừa nhận vào ngày 13/12/2019 ông D có đến nhà bà E yêu cầu bà E viết tờ tường trình xác nhận bà E đã góp tiền hui cho bà C 02 lần bằng số tiền 20.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 10/7/2019 âm lịch góp 10.000.000 đồng, ngày 10/11/2019 âm lịch góp 10.000.000 đồng, để đối trừ số tiền 60.000.000 đồng và xác định bà E, ông B chỉ còn nợ của ông D, bà A số tiền là 30.500.000 đồng. Xét thấy, ông D, bà A không thừa nhận sự việc yêu cầu bà E trả nợ thay cho ông bà, thực tế, không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận thỏa thuận trả nợ thay như ý kiến của bà E.

[7] Mặt khác, tuy bà C cho rằng bà E trả nợ thay đối với khoản nợ hui của các năm 2015- 2016, còn bản án số 09/DSST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện O giải quyết số nợ hui của năm 2017, 2018 nhưng bà C không cung cấp chứng cứ chứng minh 02 khoản tiền nợ hui này khác nhau, bà A khẳng định chỉ nợ bà C số tiền nợ hui được giải quyết bởi bản án số 09/DSST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện O. Bà A cũng thừa nhận bà C có yêu cầu để bà E trả nợ thay nhưng sau đó bà C vẫn khởi kiện đòi bà A phải trả tiền nợ hui và được giải quyết bằng bản án số 09/DSST ngày 25/6/2020, cấp sơ thẩm đối trừ số tiền 60.000.000 đồng vào số tiền 90.500.000 đồng là làm thiệt thời quyền lợi của bà A, ông D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho ông D, bà A và cả bà E, ông B, bà C, không đối trừ số tiền 60.000.000 đồng vào khoản tiền nợ hui 90.500.000 đồng. Bà E có quyền yêu cầu bà C trả lại số tiền 60.000.000 đồng đã giao cho bà C, nếu các bên tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà A, ông D, buộc bà E phải thanh toán cho ông D, bà A số tiền nợ hui của dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 âm lịch là 90.500.000 đồng.

[9] Đối với số tiền nợ của dây hui 5.000.000 đồng mở ngày 10/3/2014 âm lịch là 10.000.000 đồng; số tiền hui bà E, ông B thực đóng là 7.740.000 đồng và tiền lãi là 1.963.663 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 9.703.663 đồng các bên đương sự thống nhất đối trừ vào số tiền nợ của ông B, bà E nợ ông D, bà A; và tiền lãi 1.328.000 đồng: Do các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên những phần này được giữ nguyên. Do đó, tổng số tiền bà E, ông B có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà A, ông D là 90.500.000 đồng + (10.000.000 đồng - 9.703.663 đồng) + tiền lãi là 1.328.000 đồng = 92.124.337 đồng.

[10] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu. Như đã phân tích trên, xét thấy đề nghị của vị Luật sư là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, buộc bà E phải thanh toán cho ông D, bà A số tiền nợ hui của dây hui 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 âm lịch là 90.500.000 đồng, các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Về án phí:

[12.1] Án phí sơ thẩm: Ông B, bà E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A được Tòa án chấp nhận, bằng 5% trên tổng số tiền phải thanh toán cho ông D, bà A, cụ thể: $92.124.337 \times 5\% = 4.606.216$ đồng. Đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A không được Tòa án chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tuy nhiên, do ông D, bà A là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông D, bà A theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12.2] Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của ông D, bà A nên ông D, bà A không phải chịu án phí phúc thẩm.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của đồng nguyên đơn ông D, bà A; Sửa một phần bản án dân sự sơ

thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông D và bà A đối với bà E và ông B đối với số tiền 9.703.663 đồng và yêu cầu thanh toán số tiền lãi suất từ ngày 11/11/2020 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/12/2021).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà A đối với bà E và ông B về việc tranh chấp hui. Buộc ông B, bà E cùng có nghĩa vụ thanh toán cho ông D, bà A tổng số tiền 92.124.337 đồng (Chín mươi hai triệu, một trăm hai mươi bốn ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 90.796.337 đồng (Chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi bảy đồng) và tiền lãi là 1.328.000 đồng (Một triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D, bà A đối với ông B, bà E về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 18.359.600 đồng.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông B, bà E phải nộp 4.606.216 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông D và bà A.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: D và bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện O (01 bản);
- CCTHADS huyện O (01 bản);
- Các đương sự (05 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt